TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN X** **TỈNH BÀ RỊA–VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/DS-ST
Ngày: 30-01-2024
V/v "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH BÀ RỊA–VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Bá Khuyến.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà La Thị Thu Nga.
2. Ông Trần Đình Hưởng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2023/TLST-DS, ngày 31 tháng 5 năm 2023 về việc *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2023/QĐXXST-DS, ngày 25/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-DS, ngày 12/01/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1962 và bà Tống Thị K, sinh năm 1962 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Cùng trú tại tổ 00, ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu.

Đại diện theo ủy quyền của bà Tống Thị K: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1962 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu *(Văn bản ủy quyền số công chứng 2186, quyển số 06/2023 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 07/6/2023).*

2. Bị đơn: Ông Lê Xuân H, sinh năm 1969 và bà Phan Thị L, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Cùng trú tại tổ 00, ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu.

3. Người làm chứng:

+ Bà Lê Thị X, sinh năm 1955 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 00, ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu.

+ Bà Lê Thị G, sinh năm 1972 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Tổ 0, ấp B1, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu.
+ Bà Dương Thị A, sinh năm 1967 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Tổ 0, ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu.
+ Bà Võ Thị T, sinh năm 1976 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Tổ 0, ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Lê Văn Đ và bà Tống Thị K thống nhất trình bày:

Nguyên vào các năm từ năm 1990 đến năm 2000, vợ chồng ông Lê Xuân H và bà Phan Thị L là hàng xóm (liền kề nhà ông Đ, bà K) có làm nghề buôn bán hải sản. Do thiếu vốn kinh doanh nên đã vay của vợ chồng ông Đ, bà K tổng cộng số tiền là 29.400.000 đồng và số vàng là 22 chỉ 05 phân vàng, loại vàng 24K, vàng BC (vàng mua tại xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu). Tại thời điểm cho vay, các bên không có thỏa thuận thời hạn trả nợ mà chỉ giao ước khi nào bên cho vay báo trước một thời gian thì bên vay sẽ trả đủ, có thỏa thuận lãi suất nhưng bằng lời nói (thỏa thuận ngoài) và thực tế ông H và bà L đã trả cho ông Đ, bà K được vài tháng tiền lãi rồi ngưng nhưng do thời gian đã lâu nên ông Đ, bà K không nhớ cụ thể mức lãi suất là bao nhiêu phần trăm và số tiền lãi mà ông H, bà L đã trả là bao nhiêu. Vì vậy, về lãi suất của số tiền cho vay ông Đ, bà K yêu cầu được tính ở mức 0,75%/tháng và tính từ ngày 01/9/2000 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án; Về số vàng cho vay thì đề nghị quy đổi bằng đồng Việt Nam tại thời điểm xét xử nên không yêu cầu tính lãi suất. Cùng thời gian này, bà L còn tham gia chơi huê vàng và huê tiền (hụi, họ, biêu, phường gọi chung là hụi) do ông Đ làm chủ hụi cụ thể như sau:

- Hụi vàng: Hụi thứ nhất, khui (mở) hụi vào ngày 20 tháng 02 năm 2000 (Âm lịch) gồm 12 phần, mỗi phần một tháng phải góp phần hụi là 01 chỉ vàng, loại vàng 24K, vàng BC. Sau khi khui hụi bà L là người hốt (lĩnh) thứ 02, sau đó bà L có đậu (góp) 02 tháng tiếp theo rồi không góp nữa; Hụi thứ hai, khui hụi vào ngày 05 tháng 5 năm 2000 (Âm lịch) gồm 12 phần, mỗi phần một tháng phải góp phần hụi là 01 chỉ vàng, loại vàng 24K, vàng BC. Sau khi khui hụi bà L là người hốt thứ 01, sau đó bà L có góp 01 tháng tiếp theo rồi không góp nữa. Việc chơi 02 dây hụi vàng này không có lời (lãi) mà chỉ trên tinh thần giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, sau 10 ngày kể từ ngày khui hụi thì ông Đ đi thu vàng của từng hụi viên để chung (chi, trả) cho người hốt trúng. Khi bà L không góp hụi nữa thì ông Đ đã góp các phần hụi thay bà L số vàng cho hụi viên tổng cộng 02 dây hụi vàng là 18 chỉ vàng, loại vàng 24K, vàng BC (Hụi thứ nhất là 10 chỉ vàng, hụi thứ hai là 08 chỉ vàng). Về 18 chỉ vàng này, do ông Đ đã góp các phần hụi thay bà L cho các hụi viên hốt trúng thì

ông Đ yêu cầu bà L phải trả lại nhưng đề nghị quy đổi bằng đồng Việt Nam tại thời điểm xét xử nên không yêu cầu tính lãi suất.

- Hụi tiền: Hụi thứ nhất, khui hụi vào ngày 16 tháng 3 năm 2000 (Âm lịch) gồm 12 phần, mỗi phần một tháng phải góp phần hụi là 1.000.000 đồng. Sau khi khui hụi bà L có góp 03 tháng đến tháng thứ 04 bà L hốt hụi sau đó không góp nữa; Hụi thứ hai, khui hụi vào ngày 02 tháng 5 năm 2000 (Âm lịch) gồm 12 phần, mỗi phần một tháng phải góp phần hụi là 1.000.000 đồng. Sau khi khui hụi bà L có góp 01 tháng đến tháng thứ 02 bà L hốt hụi sau đó không góp nữa. Việc chơi 02 dây hụi tiền này cũng không có lãi mà chỉ trên tinh thần giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, sau 10 ngày kể từ ngày khui hụi thì ông Đ đi thu tiền của từng hụi viên để chung (chi, trả) cho người hốt trúng. Khi bà L không góp hụi nữa thì ông Đ đã góp các phần hụi thay bà L số tiền cho hụi viên tổng cộng 02 dây hụi tiền là 18.000.000 đồng (Hụi thứ nhất là 10.000.000 đồng, hụi thứ hai là 8.000.000 đồng). Về số tiền 18.000.000 đồng này do ông Đ đã góp các phần hụi thay bà L cho các hụi viên hốt trúng nên ông Đ yêu cầu bà L phải trả lại và tính mức lãi suất như tiền mà ông Đ, bà K đã cho ông H và bà L vay với mức lãi suất là 0,75%/tháng, tính từ ngày 01/9/2000 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Sau khi vợ chồng ông H và bà L không trả tiền lãi, tiền vay và vàng vay cũng như việc bà L ngừng không góp hụi vàng và hụi tiền nữa thì ông Đ và bà K đã nhiều lần liên hệ với ông H, bà L để yêu cầu ông H, bà L trả nợ nhưng ông H và bà L luôn trốn tránh. Nhận thấy, quyền và lợi ích bị xâm phạm nên ông Đ và bà K yêu cầu Tòa án buộc vợ, chồng ông Lê Xuân H và bà Phan Thị L phải trả cho ông Đ, bà K một lần toàn bộ số tiền, số vàng (quy đổi bằng đồng Việt Nam) còn nợ bao gồm tiền vay, vàng vay và tiền, vàng mà ông Đ đã góp các phần hụi thay bà L để trả cho hụi viên, cụ thể như sau:

- Đối với khoản vay bằng tiền và vay bằng vàng:

+ Số vàng vay là 22 chỉ 05 phân vàng, loại vàng 24K, vàng BC (quy đổi ra tiền tạm tính đến ngày 30/11/2023 là 133.425.000 đồng).

+ Số tiền vay là 29.400.000 đồng. Tạm tính như sau: Từ ngày 01/9/2000 đến hết ngày 30/11/2023 là 278 tháng. 29.400.000 đồng (gốc) x 278 tháng x 0,75%/tháng = 61.299.000 đồng (lãi).

- Đối với khoản đã góp các phần hụi thay cho bà L là vàng của hụi vàng và tiền của hụi tiền để trả cho hụi viên:

+ Số vàng tham gia chơi hụi vàng vào ngày 20 tháng 02 năm 2000 (Âm lịch) là: 10 chỉ vàng; Số vàng tham gia chơi hụi vàng vào ngày 05 tháng 5 năm 2000 (Âm lịch) là 08 chỉ vàng. Cộng của 02 dây hụi vàng là 18 chỉ vàng, loại vàng 24K, vàng BC (quy đổi ra tiền tạm tính đến ngày 30/11/2023 là 106.740.000 đồng).

+ Số tiền tham gia chơi hụi tiền vào ngày 16 tháng 3 năm 2000 (Âm lịch) là 10.000.000 đồng; Số tiền tham gia chơi hụi tiền vào ngày 02 tháng 5 năm 2000 (Âm lịch) là 8.000.000 đồng. Cộng của 02 dây hụi tiền là 18.000.000 đồng. Tạm tính như sau: Từ ngày 01/9/2000 đến hết ngày 30/11/2023 là 278 tháng. (18.000.000 đồng x 278 tháng x 0,75%/tháng = 37.530.000 đồng).

Tổng cộng các khoản của (khoản vay bằng tiền và vay bằng vàng là 224.124.000đ) và (khoản đã góp các phần hụi thay cho bà L là vàng của hụi vàng và tiền của hụi tiền để trả cho hụi viên là 162.270.000đ). 224.124.000 đồng + 162.270.000đ đồng = 386.394.000 đồng.

Ngoài việc yêu cầu Tòa án buộc ông H và bà L phải trả cho vợ, chồng ông Đ, bà K một lần tổng cộng số tiền của tất cả các khoản nêu trên là 386.394.000 đồng thì ông Đ, bà K cũng yêu cầu Tòa án buộc ông H, bà L phải trả tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông H và L trả hết nợ cho vợ chồng ông Đ và bà K.

Ngày 09/01/2024, ông Đ và bà K có nộp đơn đề nghị xin thay đổi, bổ sung một số nội dung như sau:

- Đối với khoản vay bằng vàng: Số vàng vay là 22 chỉ 05 phân vàng, loại vàng 24K, vàng BC (vàng giao dịch tại các hiệu/tiệm vàng trên địa bàn xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu) không quy đổi ra đồng Việt Nam mà yêu cầu ông H, bà L trả bằng vàng (hiện vật). Trường hợp ông H, bà L không trả được bằng vàng thì quy bằng tiền vào thời điểm trả cho ông Đ, bà K.

- Đối với khoản đã góp các phần hụi thay cho bà L là vàng của hụi vàng cho hụi viên: Số vàng tham gia chơi hụi vàng vào ngày 20 tháng 02 năm 2000 (Âm lịch) là 10 chỉ vàng; Số vàng tham gia chơi hụi vàng vào ngày 05 tháng 5 năm 2000 (Âm lịch) là 08 chỉ vàng. Cộng của 02 dây hụi vàng là 18 chỉ vàng, loại vàng 24K, vàng BC (vàng giao dịch tại các hiệu/tiệm vàng trên địa bàn xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu) không quy đổi ra đồng Việt Nam mà yêu cầu ông H, bà L trả bằng vàng (hiện vật). Trường hợp ông H, bà L không trả được bằng vàng thì quy bằng tiền vào thời điểm trả cho ông Đ, bà K.

- Đối với khoản đã góp các phần hụi thay cho bà L là tiền của hụi tiền cho hụi viên: Số tiền tham gia chơi hụi tiền vào ngày 16 tháng 3 năm 2000 (Âm lịch) là 10.000.000 đồng; Số tiền tham gia chơi hụi tiền vào ngày 02 tháng 5 năm 2000 (Âm lịch) là 8.000.000 đồng. Cộng của 02 dây hụi tiền là 18.000.000 đồng. Lãi suất của số tiền 18.000.000 đồng là 0,75%/tháng tính từ ngày 01/9/2000 cho đến khi Tòa án xét xử xong vụ án. Tạm tính như sau: Từ ngày 01/9/2000 đến hết ngày 30/11/2023 là 278 tháng (18.000.000 đồng x 278 tháng x 0,75%/tháng = 37.530.000 đồng). Nay, ông Đ và bà K xin thay đổi, bổ sung như sau: Tạm tính từ ngày 01/5/2001 đến hết ngày 31/12/2023 là 271 tháng (18.000.000 đồng x 271 tháng x 0,75%/tháng =

36.585.000 đồng) với lý do thời hạn kết thúc của hụi tiền thứ hai là ngày 02/4/2001 (Âm lịch) tức là ngày 24/4/2001 (Dương lịch). Tính từ ngày 01/5/2001 là ngày sau khi hụi viên cuối cùng hốt chót (chấm dứt dây hụi) của hụi tiền thứ hai.

Ngoài những nội dung trên, ông Đ và bà K vẫn giữ nguyên yêu cầu tại đơn khởi kiện và tại các buổi làm việc trước đây, không thay đổi, bổ sung gì thêm.

Đối với bị đơn là ông Lê Xuân H và bà Phan Thị L:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông H và bà L vẫn không đến Tòa án tham gia giải quyết. Tòa án cũng không nhận được văn bản ghi ý kiến hay bản tự khai của ông H và bà L.

Tại bản tự khai và trong quá trình tố tụng những người làm chứng thống nhất trình bày:

- Bà Võ Thị T: Vào ngày 20 tháng 02 năm 2000 (Âm lịch), bà T có tham gia chơi hụi vàng do ông Lê Văn Đ làm chủ hụi, gồm 12 phần (12 hụi viên), mỗi phần một tháng phải góp là 01 chỉ vàng, loại vàng 24K, vàng BC. Trong dây hụi vàng này có bà Phan Thị L cùng tham gia. Sau khi khui hụi, bà L là người hốt thứ hai, sau đó bà L có góp 02 tháng tiếp theo cho chủ hụi là ông Đ, còn 08 tháng tiếp theo bà L không góp nữa nên ông Đ phải góp cho hụi viên phần của bà L.

- Bà Dương Thị A: Vào ngày 15 tháng 05 năm 2000 (Âm lịch), bà A có tham gia chơi hụi vàng do ông Lê Văn Đ làm chủ hụi, gồm 12 phần (12 hụi viên), mỗi phần một tháng phải góp là 01 chỉ vàng, loại vàng 24K, vàng BC (10 ngày sau khi khui hụi thì chủ hụi đi thu vàng). Trong dây hụi vàng này có bà Phan Thị L cùng tham gia. Sau khi khui hụi bà, L là người hốt trước (thứ nhất) còn bà A là người hốt sau (vào tháng 11 cùng năm) nên bà A biết được việc bà L sau khi hốt hụi thì không góp cho chủ hụi là ông Đ nữa nên ông Đ phải góp cho hụi viên phần của bà L.

- Bà Lê Thị G: Vào ngày 15 tháng 5 năm 2000 (Âm lịch), bà G có tham gia chơi hụi vàng do ông Lê Văn Đ làm chủ hụi, mỗi dây hụi gồm 12 phần (12 hụi viên), mỗi phần một tháng phải góp là 01 chỉ vàng, loại vàng 24K, vàng BC (10 ngày sau khi khui hụi thì chủ hụi đi thu vàng). Trong dây hụi vàng này có bà Phan Thị L cùng tham gia. Sau khi khui hụi, bà L là người hốt trước (thứ nhất) còn bà G là người hốt sau (vào tháng 7 cùng năm) nên bà G biết được việc bà L sau khi hốt hụi thì không góp cho chủ hụi do đó, ông Đ phải góp cho hụi viên phần của bà L; Vào ngày 16 tháng 3 năm 2000 (Âm lịch), bà G có tham gia chơi hụi tiền do ông Lê Văn Đ làm chủ hụi, mỗi dây hụi gồm 12 phần (12 hụi viên), mỗi phần một tháng phải góp là 1.000.000 đồng (10 ngày sau khi khui hụi thì chủ hụi đi thu tiền). Trong dây hụi tiền này có bà Phan Thị L cùng tham gia. Sau khi khui hụi, bà L là người hốt thứ tư, còn bà G là người hốt sau (vào tháng 7 cùng năm) nên bà G biết được việc bà L sau khi hốt hụi thì không góp cho chủ hụi là ông Đ nữa nên ông Đ phải góp cho hụi viên phần của bà L.

- Bà Lê Thị X: Vào ngày 02 tháng 5 năm 2000 (Âm lịch), bà X có tham gia chơi hụi tiền do ông Lê Văn Đ làm chủ hụi, mỗi dây hụi gồm 12 phần (12 hụi viên), mỗi phần một tháng phải góp là 1.000.000 đồng (10 ngày sau khi khui hụi thì chủ hụi đi thu tiền). Trong dây hụi tiền này có bà Phan Thị L cùng tham gia. Sau khi khui hụi bà L là người hốt thứ hai còn bà X là người hốt sau (vào tháng 11 cùng năm) nên bà X biết được việc bà L sau khi hốt hụi thì không góp cho chủ hụi là ông Đ nữa nên ông Đ phải góp cho hụi viên phần của bà L; Vào ngày 16 tháng 3 năm 2000 (Âm lịch), bà X có tham gia chơi hụi tiền do ông Lê Văn Đ làm chủ hụi, mỗi dây hụi gồm 12 phần (12 hụi viên), mỗi phần một tháng phải góp là 1.000.000 đồng (10 ngày sau khi khui hụi thì chủ hụi đi thu tiền). Trong dây hụi tiền này có bà Phan Thị L cùng tham gia. Sau khi khui hụi, bà L là người hốt thứ tư còn bà X là người hốt sau (hốt chót vào tháng 02 năm 2001-Âm lịch) nên bà X biết được việc bà L sau khi hốt hụi thì không góp cho chủ hụi là ông Đ nên ông Đ phải góp cho hụi viên phần của bà L.

Ngoài nội dung trình bày trên những người làm chứng là bà T, bà A, bà G và bà X không trình bày gì thêm. Tất cả những người làm chứng đều cam đoan lời trình bày của mình là đúng sự thật nếu sai thì chịu trách nhiệm trước pháp luật và xin vắng mặt tại các buổi làm việc tiếp theo (nếu có) cũng như vắng mặt tại phiên xét xử.

Tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp:

Nguyên đơn giao nộp kèm theo đơn khởi kiện là: 01 (một) giấy nhận nợ tiền, vàng có đặc điểm: giấy kẻ ô ly, một mặt ghi L có nợ anh Đ tiền, một mặt ghi số tiền, số vàng, ghi ngày, ghi tháng, không ghi năm, bản viết tay bằng mực màu xanh, một trang có chữ viết của bà L, hai trang chữ của ông Đ viết); 04 (bốn) giấy ghi danh sách hụi viên tham gia chơi huê tiền và huê vàng có đặc điểm: giấy kẻ ô ly, dạng tờ rời ghi tiền, vàng trong đó có 03 tờ giấy ghi một mặt, 01 tờ giấy ghi hai mặt, tất cả viết tay bằng mực màu xanh, có ghi ngày, tháng, năm do ông Đ viết); Văn bản ủy quyền số công chứng 2186, quyển số 06/2023 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 07/6/2023 (bản chính); Căn cước công dân ông Đ và bà K (bản sao); Giấy xác nhận thông tin cư trú (bản chụp).

Tại phiên tòa:

Ông Lê Xuân H và bà Phan Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; Những người làm chứng vắng mặt có lý do, ngoài lời khai có trong hồ sơ vụ án thì không ai có ý kiến bổ sung gì thêm; Nguyên đơn ông Lê Văn Đ và bà Tống Thị K (ông Đ là người đại diện theo ủy quyền của bà K) vắng mặt có lý do nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các yêu cầu tại những buổi làm việc trước, không thay đổi, bổ sung gì khác, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Tại đơn khởi kiện, ông Lê Văn Đ và bà Tống Thị K yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Lê Xuân H và bà Phan Thị L phải trả một lần toàn bộ số tiền, số vàng còn nợ và số tiền, số vàng mà ông Đ đã góp các phần hụi thay cho bà L được xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự" và "Tranh chấp các quyền khác đối với tài sản" quy định tại khoản 2, 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Ông H và bà L có địa chỉ cư trú tại huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn và người đại diện cho nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; Những người làm chứng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 229 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vẫn tiến hành xét xử.

[3] Sự vắng mặt của Kiểm sát viên: Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có văn bản thông báo không tham gia phiên toà với lý do vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và tại thời điểm vụ án được đưa ra xét xử Viện kiểm sát không đủ Kiểm sát viên để tham gia phiên tòa (Công văn số 16/CV-VKS, ngày 08/01/2024) nên Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[4] Về thay đổi yêu cầu khởi kiện: Ngày 09/01/2024, nguyên đơn có đơn xin thay đổi, bổ sung nội dung đơn khởi kiện. Theo đó, đối với khoản nợ bằng vàng và khoản đã góp các phần hụi thay cho bà L bằng vàng của hụi vàng để trả hụi viên thì không quy đổi ra đồng Việt Nam mà yêu cầu ông H, bà L trả bằng vàng (hiện vật). Trường hợp ông H, bà L không trả được bằng vàng thì quy bằng tiền vào thời điểm trả cho ông Đ, bà K; đối với mốc thời gian tính lãi của số tiền 18.000.000 đồng (tiền của 02 hụi tiền) trước đây tính từ ngày 01/9/2000 cho đến khi Tòa án xét xử xong vụ án thì nay được tính lại là từ ngày 01/5/2001 cho đến khi Tòa án xét xử xong vụ án. Xét thấy, đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, phù hợp với quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên chấp nhận.

[5] Về tài liệu, chứng cứ: Căn cứ theo lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình tố tụng và tài liệu, chứng cứ đã nộp tại Tòa án thì toàn bộ nội dung trong giấy nhận nợ tiền, vàng có chữ viết và chữ ký của bà L xác nhận việc nợ tiền, vàng; trong giấy ghi danh sách hụi viên tham gia chơi huê tiền và huê vàng có tên bà L và đều được những người làm chứng (người tham gia hụi) xác nhận. Mặt khác, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không có ý

kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo, không có yêu cầu phản tố. Toàn bộ tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án thông báo cho ông H và bà L tại Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại các Điều 208, 209 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vì vậy, bị đơn phải chịu hậu quả pháp lý của việc không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 196 và Điều 199 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của nguyên đơn và của những người làm chứng để giải quyết vụ án.

Về áp dụng pháp luật nội dung:

Giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập, thực hiện trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực. Căn cứ Nghị quyết số 45/2005/NQ-QH11, ngày 14/6/2005 của Quốc Hội; căn cứ Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật được quy định trong Bộ luật Dân sự năm 1995 và năm 2005 để giải quyết.

[6] Xét giấy nhận nợ tiền, vàng và giấy ghi danh sách hụi viên.

[6.1] Về giấy nhận nợ tiền, vàng: Theo lời trình bày của nguyên đơn, vì vợ chồng ông Lê Xuân H và bà Phan Thị L là hàng xóm, có làm nghề buôn bán hải sản nên khi thiếu vốn kinh doanh thường qua nhà ông Đ, bà K để vay tiền hoặc vàng cho nên tất cả các lần vay thì hai bên không có thỏa thuận thời hạn trả nợ mà chỉ giao ước khi nào bên cho vay báo trước một thời gian thì bên vay sẽ trả đủ tiền, vàng; về lãi suất các bên có thỏa thuận nhưng bằng lời nói (thỏa thuận ngoài), ông Đ và bà K cũng thừa nhận ông H, bà L đã trả được mấy tháng tiền lãi rồi ngưng nhưng do thời gian đã lâu nên không nhớ cụ thể mức lãi suất cũng như số tiền lãi mà ông H, bà L đã trả là bao nhiêu. Do bị đơn không tiếp tục trả lãi và cũng chưa trả gốc nên đến tháng 9 năm 1999 thì ông Đ và bà L cùng liệt kê và chốt lại tổng số tiền còn nợ là 29.400.000 đồng, tổng số vàng còn nợ là 22 chỉ 05 phân vàng. Sau khi thống nhất xong thì bà L đã tự viết và ký xác nhận vào giấy nhận nợ. Như vậy, lời trình bày của nguyên đơn và chứng cứ nguyên đơn giao nộp có đủ cơ sở xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 29.400.000 đồng và số vàng là 22 chỉ 05 phân vàng, thời gian xác nhận nợ từ tháng 9 năm 1999. Nội dung này có chữ viết và chữ ký của bà L xác nhận nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 130 của Bộ luật Dân sự năm 1995.

[6.2] Về 04 (bốn) giấy có tiêu đề: *"Huê tiền 1 triệu…, gồm 12 phần; Huê vàng 1 chỉ…, gồm 12 phần"* được xác định là các giấy ghi danh sách người tham gia hụi (Thành viên, hụi viên) của hụi vàng và hụi tiền vào năm 2000 (Âm lịch). Như vậy, mỗi dây hụi đều có 12 phần, mỗi phần có 01 người tham gia, trong các giấy này đều có tên bà L. Kể từ sau khi khui (mở) hụi thì hằng tháng chủ hụi là ông Đ đều đánh dấu việc từng hụi viên góp hụi, hốt hụi và ngừng góp hụi tại các giấy này. Ngoài danh sách hụi viên tham gia hụi do ông Đ lập thì các hụi viên tham gia

hụi là bà T, bà A, bà G và bà X cùng xác nhận việc bà L có tham gia cả 04 dây hụi, việc hốt hụi của từng dây và việc bà L không góp hụi của cả 04 dây hụi sau khi đã hốt nên ông Đ chủ hụi phải góp thay bà L tiền, vàng cho các hụi viên khác đến khi có người hốt chót (kết thúc từng dây hụi). Việc các hụi viên tham gia hụi và chủ hụi cùng xác nhận nội dung trên nên có đủ cơ sở khẳng định bà L sau khi hốt hụi của 02 dây hụi tiền và 02 dây hụi vàng thì không tiếp tục góp hụi nên ông Đ đã phải góp thay phần tiền, vàng của bà L cho các hụi viên khác tổng cộng: 02 dây hụi vàng là 18 chỉ vàng; 02 dây hụi tiền là 18.000.000 đồng. Như vậy, xác định bà L còn nợ ông Đ 18 chỉ vàng và nợ số tiền 18.000.000 đồng của việc tham gia chơi hụi vàng và hụi tiền là có căn cứ.

[7] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[7.1] Yêu cầu tính lãi và mức lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất đối với khoản tiền nợ ở mức 0,75%/tháng từ ngày 01/9/2000 cho đến ngày Tòa án xét xử và yêu cầu tính lãi suất đối với khoản tiền nợ góp hụi ở mức 0,75%/tháng từ ngày 01/5/2001 cho đến ngày Tòa án xét xử, thấy rằng: Căn cứ Điều 473 của Bộ luật Dân sự năm 1995; căn cứ Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; căn cứ Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ; căn cứ Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả tiền lãi và yêu cầu tính mức lãi suất 0,75%/tháng (tương đương 9%/năm) là có căn cứ nên chấp nhận.

[7.2] Yêu cầu trả bằng vàng (hiện vật): Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số vàng còn nợ là 22 chỉ 05 phân vàng và 18 chỉ vàng mà nguyên đơn đã góp các phần hụi thay cho bà L. Trường hợp bị đơn không trả được bằng vàng thì quy bằng tiền vào thời điểm trả cho nguyên đơn. Về yêu cầu này nhận thấy, Điều 467 của Bộ luật Dân sự năm 1995 quy định "Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao cho bên vay một khoản tiền hoặc vật; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả tiền hoặc vật cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi, nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định". Theo đó, yêu cầu này của nguyên đơn được chấp nhận.

[7.3] Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm nghĩa vụ không góp hụi, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên căn cứ các Điều 130, 172, 264, 285, 286, 294, 295, 308, 311, 313, 467, 473 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 1995; các Điều 471, 474, 476, 477 và Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015 có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn một lần tổng số tiền còn nợ và tổng số vàng còn nợ cụ thể như sau:

[7.3.1] Về số tiền nợ vay: Từ ngày 01/9/2000 đến hết ngày 30/01/2024 là 280 tháng. 29.400.000 đồng (gốc) x 280 tháng x 0,75%/tháng = 61.740.000 đồng (lãi).

[7.3.2] Về số tiền nợ góp hụi: Từ ngày 01/5/2001 đến hết ngày 30/01/2024 là 272 tháng. 18.000.000 đồng (gốc) x 272 tháng x 0,75%/tháng = 36.720.000 đồng (lãi).

Cộng của [7.3.1] và [7.3.2] là 145.860.000đ (một trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi nghìn) đồng.

[7.3.3] Về số vàng nợ vay là 22 chỉ 05 phân vàng và số vàng nợ góp hụi là 18 chỉ vàng. Tổng cộng: 40 chỉ 05 phân vàng (bốn mươi chỉ năm phân vàng), loại vàng 24K, vàng BC (vàng giao dịch tại các hiệu/tiệm vàng trên địa bàn xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu).

[8] Xét lời trình bày của những người làm chứng:

Bà T, bà A, bà G và bà X đều thống nhất và khẳng định các bà là những người tham gia hụi (bao gồm 02 dây hụi tiền và 02 dây hụi vàng) do ông Đ làm chủ hụi. Tại 04 dây hụi này bà L cũng tham gia và có tên trong sổ hụi nhưng sau khi bà L hốt hụi (chủ yếu là hốt trước) thì bà L không góp hụi nữa nên ông Đ đã phải góp thay phần tiền, vàng của bà L cho các hụi viên khác. Bà T, bà A, bà G và bà X cùng cam đoan lời khai của mình là đúng nếu sai thì xin chịu trách nhiệm trước pháp luật. Nhận thấy, lời trình bày của những người làm chứng phù hợp với lời trình bày của ông Đ và phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở chấp nhận.

[9] Nghĩa vụ trả lại tài sản: Ông Lê xuân H và bà Phan Thị L có mối quan hệ là vợ chồng, việc vay, mượn tiền, vàng là để buôn bán hải sản với mục đích phát triển kinh tế của gia đình nên căn cứ Điều 304 của Bộ luật Dân sự năm 1995; căn cứ Điều 298 của Bộ luật Dân sự năm 2005; căn cứ Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ Điều 15 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 và Điều 25 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, ông Hùng và Luyến có trách nhiệm liên đới trong việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định.

[10] Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự đối với giá trị tài sản phải thực hiện nghĩa vụ bao gồm,

[10.1] Án phí của khoản tiền (nợ vay, nợ hụi) là 145.860.000 đồng.

[10.2] Án phí của khoản vàng (nợ vay, nợ hụi) là 40 chỉ 05 phân vàng được quy đổi tại thời điểm xét xử (theo biên bản xác minh của Tòa án, giá vàng tại các hiệu/tiệm vàng trên địa bàn xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bán ra ngày 30/01/2024 có giá: 01 chỉ vàng, loại vàng 24K là 6.120.000 đồng), như vậy: 40 chỉ 05 phân vàng x 6.120.000 đồng = 247.860.000 đồng.

Cộng của [10.1] và [10.2] là 393.720.000 đồng. (393.720.000đ x 5% = 19.686.000đ).

[11] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 21, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 130, 172, 264, 285, 286, 294, 295, 304, 308, 311, 313, 467, 473 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 1995; các Điều 298, 471, 474, 476, 477 và Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 288, khoản 2 Điều 468, 471 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 15 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; Điều 25 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 12, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Đ và bà Tống Thị K đối với ông Lê Xuân H và bà Phan Thị L về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi".

Buộc ông Lê Xuân H và bà Phan Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Văn Đ và bà Tống Thị K một lần tổng số tiền còn nợ (bao gồm nợ vay và nợ góp hụi) là 145.860.000đ (một trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi nghìn) đồng (trong đó tiền gốc là 47.400.000 đồng, tiền lãi là 98.460.000 đồng) và tổng số vàng còn nợ (bao gồm nợ vay 22 chỉ 05 phân vàng và nợ góp hụi 18 chỉ vàng) là 40 chỉ 05 phân vàng (bốn mươi chỉ năm phân vàng), loại vàng 24K, vàng BC (vàng giao dịch tại các hiệu/tiệm vàng trên địa bàn xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu). Số vàng được trả bằng hiện vật hoặc quy bằng tiền vào thời điểm trả.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu người phải thi hành án không thi hành số tiền nói trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Xuân H và bà Phan Thị L phải chịu 19.686.000 đồng (mười chín triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn) đồng tiền án phí.

- Ông Lê Văn Đ và bà Tống Thị K không phải chịu tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự khởi kiện có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự".

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND huyện X;
- Chi Cục THADS huyện X;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Bá Khuyến